

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Nam Định, ngày 16 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 25/08/2020.
- Vốn điều lệ: 323.000.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 323.000.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng*)
- Địa chỉ: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Số điện thoại: 0228.3845620 - Số fax: 0228.3839121
- Website: www.saothanglong.vn
- Mã cổ phiếu: DST
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tiền thân là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.
 - + Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp bổ sung 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.
 - + Ngày 09 tháng 10 năm 2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 276/QĐ-TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định. Ngày 16 tháng 10 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán DST. Ngày 19 tháng 11 năm 2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 764/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định; số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 15.500.000 cổ phiếu (Mười lăm triệu năm trăm

ngàn cổ phiếu), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 03 tháng 02 năm 2017, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Thông báo số 143/TB-SGDHN về việc chấp thuận chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định; số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 15.800.000 cổ phiếu (Mười lăm triệu tám trăm ngàn cổ phiếu), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

+ Ngày 28/12/2017, Công ty đổi tên thành: Công ty Cổ phần Đầu tư sao Thăng Long.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh, bao gồm:

STT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
1	4330 (chính)	Hoàn thiện công trình xây dựng
2	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại. Bán buôn sắt, thép. Bán buôn kim loại khác (trừ kim loại quý).
3	4690	Bán buôn tổng hợp - Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa; trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải; Thuốc lá và xì gà; Dầu thô và dầu đã qua chế biến; Dược phẩm; Thuốc nổ; Sách, báo và tạp chí; Kim loại quý và đá quý; Vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu và các loại hàng hóa Nhà nước cấm
4	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
5	4211	Xây dựng công trình đường sắt
6	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Môi giới thương mại;
7	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ ngô tại các cửa hàng chuyên doanh
8	4212	Xây dựng công trình đường bộ
9	4101	Xây dựng nhà để ở
10	8511	Giáo dục nhà trẻ
11	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
12	4102	Xây dựng nhà không để ở
13	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép - Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
14	4221	Xây dựng công trình điện
15	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
16	8512	Giáo dục mẫu giáo

17	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
18	4291	Xây dựng công trình thủy - Chi tiết: Xây dựng công trình như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch, cửa cống, ... + Đập và đê;
19	4229	Xây dựng công trình công ích khác
20	4292	Xây dựng công trình khai khoáng - Chi tiết: Xây dựng các nhà máy lọc dầu
21	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo - Chi tiết: Xây dựng các xưởng hóa chất;
22	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
23	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: Bán buôn ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu và sản lát;
24	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
25	2432	Đúc kim loại màu
26	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
27	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
28	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Khai thác mỏ
29	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
30	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
31	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
32	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
33	1061	Xay xát và sản xuất bột thô
34	1030	Chế biến và bảo quản rau quả

35	2431	Đúc sắt, thép
36	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
37	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
38	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
39	2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (Trừ sản xuất kim loại quý)
40	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic - Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic
41	4733	Bán buôn đồ uống
42	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)
43	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ than
44	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
45	4311	Phá dỡ
46	4321	Lắp đặt hệ thống điện
47	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
48	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
49	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
50	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm;
51	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản phẩm chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc.

Tình hình hoạt động: Trong quá trình xây dựng và phát triển, trải qua 35 năm (1983-2019) thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Công ty đã làm chủ thị trường sách giáo khoa, mở rộng mạng lưới đại lý cung ứng rộng rãi sách và thiết bị văn phòng phẩm, dụng cụ học tập đến tận các địa phương trong toàn tỉnh. Từ đó, Công ty phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu học tập của học sinh.

- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Nam Định và các tỉnh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Hiện tại Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đang áp dụng mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc. Đồng thời Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty như sau:

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

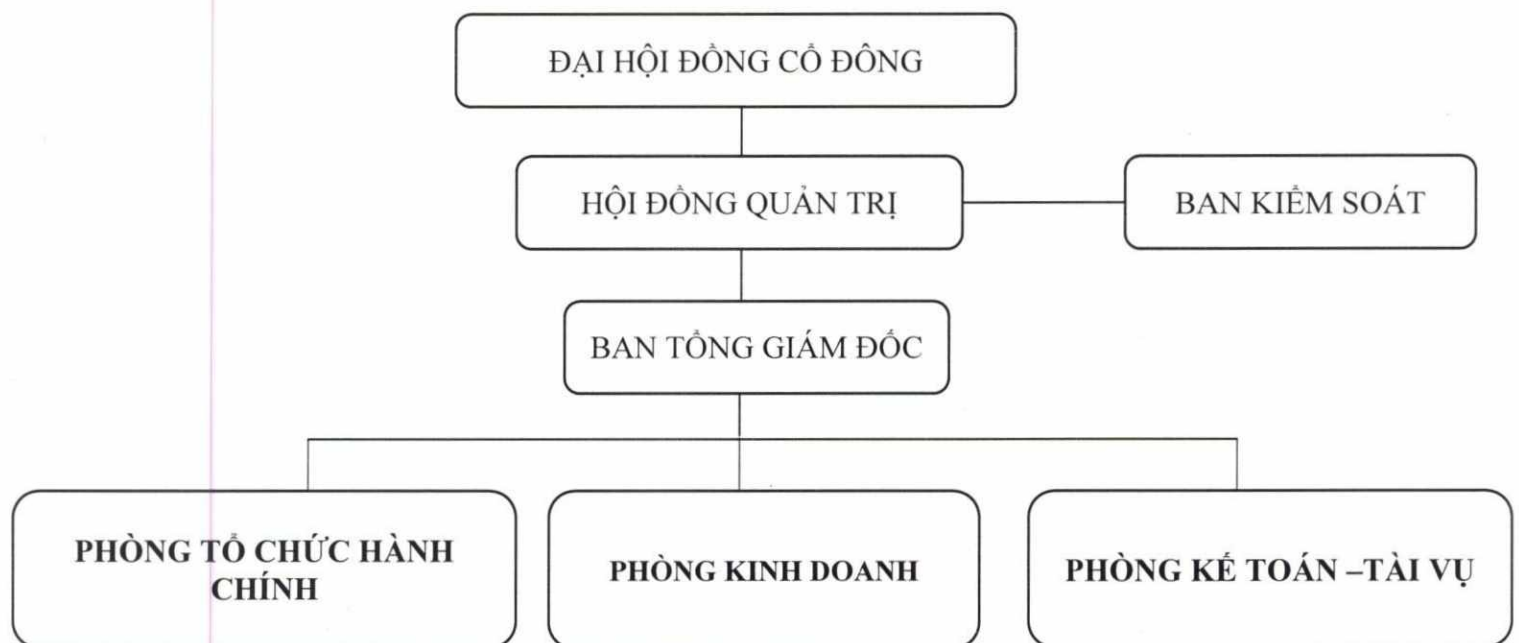
+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị

+ Ban Kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc

+ Các phòng ban chức năng trong Công ty: gồm 03 phòng: Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kinh doanh; Phòng Kế toán – Tài vụ



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại

hoặc giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; HĐQT hiện tại gồm 01 Chủ tịch và 03 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty trong tổ chức thực hiện các quyết nghị, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT trên cơ sở Điều lệ và các quy định nội bộ.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tính tuân thủ, tính chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt hoạt động của công ty.

Chủ trì công tác: Giám sát trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị; tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cần trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trên cơ sở Điều lệ, quy chế Quản trị, và quy chế Tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ quy định.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc giao. Tổng Giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

Khi Tổng giám đốc vắng mặt, Phó Tổng giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc để giải quyết công việc chung của DST và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

Kế toán trưởng chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc, giúp Tổng giám đốc quản lý nghiệp vụ phòng kế toán của Công ty.

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

a) Phòng Kinh doanh

- + Xây dựng chiến lược kinh doanh tổng thể cho Công ty;
- + Tìm đối tác kinh doanh;
- + Khai thác các dịch vụ kinh doanh sau khi dự án đầu tư đã hoàn thành;
- + Cung cấp các tài liệu phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty;
- + Tiếp thị các ngành hàng, sản phẩm của Công ty;
- + Nghiên cứu đánh giá thị trường;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá sản phẩm;
- + Quản lý cập nhật thông tin website;
- + Là bộ phận cung cấp thông tin ra bên ngoài của Công ty.

b) Phòng Kế toán – Tài vụ

- + Hoạch định chính sách đầu tư;
- + Chính sách tài chính, huy động vốn, quan hệ ngân hàng;
- + Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh; chính sách phân phối thu nhập;
- + Thực hiện các biện pháp rủi ro về tài chính, phân tích rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro;
- + Thực hiện các nghiệp vụ kế toán; thực hiện công tác bảo lãnh ngân hàng;
- + Lập kế hoạch kinh doanh và phát triển tổng hợp cho Công ty;
- + Tham mưu cho ban lãnh đạo trong việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty.

- c) Phòng Tổ chức Hành chính
- + Xây dựng nội quy, quy chế làm việc;
 - + Xây dựng chính sách, chế độ cho nhân sự;
 - + Quản lý lao động;
 - + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực;
 - + Đề xuất các chế độ lương thưởng;
 - + Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần;
 - + Quản lý bảo vệ trang thiết bị cơ sở hạ tầng, văn phòng;
 - + Quản lý mạng thông tin nội bộ, điều phối giao nhận văn thư, bưu phẩm;
 - + Quản lý hồ sơ, biểu mẫu, văn phòng phẩm.

Các công ty con, công ty liên kết:

⚡ **Công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An (*)	Số 10 ngõ 77/50 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	99,995%	99,995%
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	99,880%	99,880%

(*) Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An trở thành Công ty con kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2017 theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 08/2017/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2017.

⚡ **Công ty liên kết không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ**

<i>Tên công ty</i>	<i>Lý do không hợp nhất</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty CP Thời trang Clothesrack	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	37,000%	37,000%
Công ty CP thời trang và may mặc Demoda	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	39,350%	39,350%
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	33,650%	33,650%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.
- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự... nâng cao vai trò tự chủ và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Tập trung phát triển ngành nghề chủ đạo hiện có.
- + Mở rộng quy mô kinh doanh theo hướng phát triển thị trường. Tập trung quảng bá thương hiệu, thu hút khách hàng, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh với quy mô lớn theo định hướng phát triển thị trường.
- + Chú trọng việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu Công ty.

4.3. Tài chính

Quản lý tài chính minh bạch công khai, thanh toán đầy đủ đúng hạn các khoản nợ vay, đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng. Quản lý chặt chẽ với công nợ của từng khách hàng cụ thể. Huy động thêm vốn từ cổ đông khi có điều kiện thuận lợi và cần thiết.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về biến động cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,.. Do đó giá cổ phiếu của Công ty có những biến động khó lường.

5.2. Rủi ro về kinh tế

- + Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long rất nhiều những cơ hội cũng như thách thức. Khi nền kinh tế có sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục có sự gia tăng, thúc đẩy sự tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này và ngược lại...
- + Những biến động về giá sách và thiết bị đầu vào, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng,...đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

- + Ngoài ra, những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

5.3. *Rủi ro luật pháp*

- + Là công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các quy định về chứng khoán cũng như thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định còn chưa cao, các quy định còn chông chéo gây khó khăn cho hoạt động của Công ty nói riêng và của các doanh nghiệp nói chung.
- + Để hạn chế rủi ro này Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

5.4. *Rủi ro đặc thù*

- + Mặt hàng chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long là sách giáo khoa và thiết bị giáo dục, ngoài ra còn một số sản phẩm khác như vở học sinh, lịch block,...
- + Sách giáo khoa hàng năm được bổ sung, sửa đổi, cập nhật nội dung thường xuyên. Do đó trong trường hợp Công ty đặt kế hoạch nhập hàng lớn hơn nhu cầu trên địa bàn thì số sách giáo khoa tồn kho khó có thể tiêu thụ trong năm sau. Bên cạnh đó, do đặc thù về thời gian tiêu thụ cao điềm vào trước năm học mới, nên lượng hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động trong năm cũng như vòng quay hàng tồn kho biến động lớn.
- + Đối với sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản và một số tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì khắc phục được. Do sự hấp dẫn về doanh thu, nhiều Nhà xuất bản bắt đầu tham gia vào lĩnh vực xuất bản sách tham khảo. Những sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa chỉ có Nhà xuất bản Giáo dục được quyền xuất bản nhưng một số nơi vẫn tìm cách xuất bản các loại sách bổ trợ cho sách giáo khoa.
- + Nguyên vật liệu chính của sách là giấy in ruột và giấy in bìa. Giấy in ruột, giấy in bìa hàng năm luôn phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, do đó phụ thuộc rất lớn vào biến động giá của thị trường thế giới. Do Công ty nhập sách từ Nhà xuất bản Giáo dục, nên Công ty chịu ảnh hưởng gián tiếp từ việc tăng giá giấy in sách.
- + Với mặt hàng thiết bị giáo dục, Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật do

tính đa dạng của sản phẩm. Đây là mặt hàng đặc thù, do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục trong địa bàn tỉnh, có số lượng hạn chế.

- + Là một Công ty nằm dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà xuất bản Giáo dục, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu sự ảnh hưởng rất lớn trong biến động về chính sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp nhất)

- Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng/giảm so với 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.617.288.469	42.644.409.057	-23,51%
Tổng lợi nhuận trước thuế	3.736.588.098	(6.408.147.982)	158,31%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	81.899.653	-100%
Lợi nhuận sau thuế	3.736.588.098	(6.490.047.635)	157,57%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	(201.44)	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020)

- Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành và đạt 27,18% so với kế hoạch doanh thu đề ra chủ yếu đến từ khoản mục lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Tuy vậy, chi phí hoạt động của công ty tăng cao dẫn đến việc chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành kế hoạch
Vốn điều lệ	323.000.000.000	323.000.000.000	-
Tổng doanh thu hoạt động	120.000.000.000	32.617.288.469	27,18%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.500.000.000	3.736.588.098	57,49%
Lợi nhuận sau thuế	6.500.000.000	3.736.588.098	57,49%
Cổ tức	3%	-	0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và BCTN năm 2019)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	18/02/1982	B20, TT Tổng cục 3, Tổ 96 Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	0	0%
2	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT	09/12/1981	21 Ngách 199/10 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%
3	Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT			0	0%
4	Nguyễn Anh Chiến	Thành viên HĐQT	13/07/1981	Đống Đa, Hà Nội	0	0%
5	Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	07/05/1981	Căn hộ E2, tầng 12A, tòa nhà SDU, 143 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	0	0%
6	Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	11/12/1962	19/203 Trần Thái Tông, Lộc Vượng, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	0	0%

2.2 Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	25/05/1984	Tổ 57 TT Đông Anh, Hà Nội	0	0%
2	Phạm Minh Đức	Thành viên BKS	07/06/1981	Số 5 ngõ 38 Bích Câu, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	0	0%
3	Hà Tuấn Sơn	Thành viên BKS	17/11/1982	Phường Kỳ Bá, TP. Thái Bình	0	0%

2.3 Phụ trách kế toán

- Bà **Phạm Thị Nhài**: Sinh ngày 15/03/1993, hộ khẩu thường trú tại xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, Thái Bình giữ chức vụ Phụ trách kế toán của Công ty.
- Tỷ lệ sở hữu: 0 cổ phần – chiếm 0% vốn điều lệ.

2.4. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 11/08/2020, Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với bà Đặng Thị Như Quỳnh; Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Nguyễn Đức Phong.
- Ngày 19/08/2020, Bãi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Lan; Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Chu Đức Mạnh.
- Ngày 04/12/2020, Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Nguyễn Đức Phong; Bổ nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán Công ty đối với bà Phạm Thị Nhài.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm phát triển.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra để cho người lao động có sức khỏe tốt, yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức cho người lao động được khám chữa bệnh định kỳ.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn, sạch sẽ.

Tính đến 31/12/2020, số lượng nhân viên của Công ty chi tiết như sau:

Cơ cấu lao động của Công ty

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	09	100%
- Đại học và Trên đại học	7	77,8%
- Cao đẳng	2	22,2%
- Trung cấp và sơ cấp	0	0%
- Lao động phổ thông	0	0%
Phân theo thời hạn hợp đồng	9	100%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	7	77,8%
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 - 3 năm	2	22,2%
- Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An (*)	Số 10 ngõ 77/50 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	99,995%	99,995%
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	99,880%	99,880%

(*) Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An trở thành Công ty con kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2017 theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 08/2017/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2017.

Công ty liên kết không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

<i>Tên công ty</i>	<i>Lý do không hợp nhất</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty CP Thời trang Clothesrack	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	37,000%	37,000%
Công ty CP thời trang và may mặc Demoda	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	39,350%	39,350%
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest	Công ty chưa đủ tỷ lệ nắm giữ để hợp nhất	33,650%	33,650%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	494.030.705.399	335.382.147.092	-32,11%
Doanh thu thuần	42.644.409.057	32.617.288.469	-23,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.258.337.205)	3.874.038.150	173,67%
Lợi nhuận khác	(1.149.810.777)	(137.450.052)	88,05%
Lợi nhuận trước thuế	(6.408.147.982)	3.736.588.098	158,31%
Lợi nhuận sau thuế	(6.490.047.635)	3.736.588.098	157,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1 lần	7 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1 lần	7 lần	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	-	-	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-	-	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	-	-	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	9,73%	8,63%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-15,22%	11,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-1,79%	1,18%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-1,13%	1,11%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-12,33%	11,88%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã phát hành 32.300.000 cổ phiếu, trong đó:
 - ✓ Số cổ phiếu phổ thông: 32.300.000 cổ phiếu
 - ✓ Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - ✓ Số cổ phiếu đang lưu hành: 32.219.000 cổ phiếu
 - ✓ Số cổ phiếu quỹ: 81.000 cổ phiếu
 - ✓ Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

5.2 Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2460	32.090.150	32.090.150.000	99,36%
	Cổ đông tổ chức	07	95.349	95.349.000	0,30%
	Cổ đông cá nhân	2453	31.994.801	31.994.801.000	99,06%
II	Cổ đông nước ngoài	20	209.850	209.850.000	0,65%
	Cổ đông tổ chức	16	194.350	194.350.000	0,60%
	Cổ đông cá nhân	04	15.500	15.500.000	0,05%
	Tổng cộng	2258	32.300.000	32.300.000.000	100%

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

5.3 Danh sách cổ đông lớn

Stt	Họ và tên/ Tên công ty	Số giấy CMND/số Giấy CNDKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
1	Đặng Hoàng Tuấn	361709731	09/09/2009	21.470.000.000	7%

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

5.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Đầu năm 2017, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 165 tỷ lên 323 tỷ.

5.5 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.6 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Khoảng 105.000.000 đồng/năm.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước kinh doanh
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến ngày 31/12/2020, toàn Công ty có 9 nhân sự, mức lương bình quân năm 2020: 4.800.000 đồng/người/tháng.
- Để khuyến khích người lao động, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách và đãi ngộ cho người lao động. Việc trả lương theo năng lực chuyên môn và hiệu quả kinh doanh để kích thích người lao động làm việc hiệu quả, góp phần tăng hiệu quả và doanh thu của Công ty.
- Song song với việc khen thưởng là việc thi hành phê bình, kỷ luật nếu cá nhân hoặc đơn vị vi phạm nội quy lao động nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm tập thể đối với công việc và trách nhiệm cá nhân trước Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2020 là một năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, nguyên nhân là do đại dịch covid 19 lan rộng toàn cầu, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, xung đột tiếp tục có những diễn biến phức tạp tại Trung Đông, ... ảnh hưởng đến thị trường thế giới nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cộng với sự chỉ đạo, giúp đỡ của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2020 với kết quả đạt được là 32.617.288.469 đồng, giảm 23,51% so với năm 2019.
- Doanh thu cụ thể từng bộ phận như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa	32.617.288.469	42.644.409.057

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020)

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Trong năm 2020, Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng. Tuy nhiên, Công ty cũng sử dụng tiền một cách linh hoạt, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Năm 2020, công ty có 1 khoản đầu tư 49.748.493.151 đồng vào 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Thời trang và May mặc Demoda và 20 Trái phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Năm 2020, Công ty có 1 khoản đầu tư 40.000.000.000 đồng vào 400 Trái phiếu của Công ty Cổ phần Camcom Việt Nam

2.2 Tình hình nợ phải trả

- Trong năm 2020, nợ phải trả có giảm mạnh so với năm 2019, khoảng 85,51%. Phần lớn là nhờ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và khoản Phải trả khác đã giảm đáng kể
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	335.382.147.092	494.030.705.399	-32,11%
Vốn chủ sở hữu	317.744.518.007	363.249.312.702	-12,53%
Nợ phải trả	17.637.629.085	130.781.392.697	-86,51%
Tổng doanh thu	32.617.288.469	42.644.409.057	-23,51%
Lợi nhuận sau thuế	3.736.588.098	(6.490.047.635)	157,57%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2020, nhân sự của Công ty đang được mở rộng và tuyển thêm. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bên cạnh việc tạo được sự tin cậy về chất lượng sản phẩm, Công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững, cán bộ Công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ để mở rộng kinh doanh khi có điều kiện thuận lợi về thị trường.
- Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An (gọi tắt là Hưng Thịnh An), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (gọi tắt là Công ty Sách Nam Định) và Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long (gọi tắt là DST) có nhiều lĩnh vực tương đồng và có thể hỗ trợ lẫn nhau. Cụ thể, với hoạt động nghiên cứu thị trường và hỗ trợ đào tạo, Hưng Thịnh An, Sách Nam Định có thể hỗ trợ DST về mạng lưới khách hàng, qua đó giúp cho DST cải thiện kênh phân phối sản phẩm. Bên cạnh đó, với hoạt động kinh doanh bất động sản, DST cũng có thể hợp tác với Hưng Thịnh An và Sách Nam Định để phát triển dịch vụ cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn.
- Trong những năm gần đây, hoạt động kinh doanh sách của DST gặp nhiều khó khăn do sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, do chương trình và thiết bị học tập được cải tiến hàng năm,... Trước tình hình đó, ngoài việc tìm giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, chiến lược dài hạn của DST là tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng hoạt động đa ngành, đa nghề nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):
Không có

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm qua Hội đồng quản trị đã theo sát và chỉ đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu về tài chính, doanh thu, lợi nhuận, nhân sự....
- Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo đúng theo quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai. Các cuộc họp của HĐQT chủ yếu về thảo luận và quyết định về nhân sự, thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến tình hình kinh doanh của Công ty,...
- Đối với trách nhiệm xã hội Công ty cũng đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với nhà nước tích cực tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao các giá trị tốt đẹp của xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Công ty
- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công nhiệm vụ đã ban hành, Hội đồng quản trị đã giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày đồng thời quyết định, tiến hành các kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho. Hội đồng quản trị nhận định Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt công việc, chỉ đạo và thúc đẩy các bộ phận của Công ty hoạt động hiệu quả theo đúng định hướng đề ra từ đầu năm trong khuôn khổ pháp lý của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2021, tình hình kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ có những biến động khó lường do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 nhiều khả năng còn duy trì. Tuy với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ trong việc đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời chuẩn bị mọi nguồn lực để phục hồi nền kinh tế sau khi dịch bệnh được đẩy lùi sẽ thúc đẩy cho sự phát triển của thị trường bất động sản, xây dựng, tài chính và chứng khoán. Tốc độ phục hồi của nền kinh tế sau dịch bệnh sẽ tác động tích cực đến các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long. Bên cạnh đó,

kết quả kinh doanh của năm 2020 và những năm trước đó cùng các nguồn lực đã gây dựng được là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bứt phá của Công ty trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

- Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá những cơ hội, thách thức, rủi ro và phát huy những thành quả đã đạt được của năm 2020, Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thăng Long xác định các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	KH năm 2021	% tăng giảm so với 2020
1	Tổng doanh thu	32.617.288.469	120.000.000.000	27,18%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.736.588.098	6.500.000.000	57,49%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.736.588.098	6.500.000.000	57,49%
4	Vốn điều lệ	323.000.000.000	323.000.000.000	-

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

- Cơ cấu của Hội đồng Quản trị hiện tại gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Anh Chiến	Thành viên HĐQT	-	-
3	Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT	-	-
4	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT	-	-

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	1702/2020/NQ-HĐQT	17/02/2020	Thuê căn nhà của bà Ngô Thị Thùy Linh để làm trường mầm non Sao Thăng Long	100%
2	2003/2020/NQ-HĐQT	20/03/2020	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	100%

			thường niên năm 2020	
3	2704/QĐ-HĐQT	27/04/2020	Ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	100%
4	01/2020/NQ-ĐHĐCĐ	18/05/2020	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	100%
5	1108/2020/NQ-HĐQT	11/08/2020	Miễn nhiệm và Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng công ty	100%
6	19.08.1/2020/QĐ-HĐQT	19/08/2020	Bãi miễn chức danh Tổng Giám đốc Công ty	100%
7	19.08.2/2020/QĐ-HĐQT	19/08/2020	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty	100%
8	20.08/2020/NQ-HĐQT	20/08/2020	Thay đổi điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	100%
9	28.08.01/2020/QĐ-HĐQT	25/08/2020	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	100%
10	16.10/2020/NQ-HĐQT	16/10/2020	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty	100%
11	0412/2020/NQ-DST	04/12/2020	Bổ nhiệm chức vụ Phụ trách kế toán với bà Phạm Thị Nhài	100%

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

2. Ban kiểm soát

- Cơ cấu của Ban kiểm soát hiện tại gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	-	-
2	Hà Tuấn Sơn	Thành viên	-	-
3	Phạm Minh Đức	Thành viên	-	-

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự quyết
1	Nguyễn Thị Lan Hương	03/03	100%	100%	-
2	Hà Tuấn Sơn	03/03	100%	100%	-

3	Phạm Minh Đức	03/03	100%	100%	-
---	---------------	-------	------	------	---

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

- Tiền lương của Hội đồng quản trị: không có
- Tiền lương của Ban Tổng giám đốc:

STT	Họ tên	Tiền lương (vnd/năm)
1	Chu Đức Mạnh	115.420.000
2	Hứa Thị Anh Đào	90.800.000

(Nguồn: CTCP Đầu tư Sao Thăng Long)

- Tiền lương của Ban kiểm soát: không có
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có
- Giao dịch với người nội bộ: không có

VI. Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập

1. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

2. Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- “Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực mà yêu cầu chúng tôi kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.” Trích dẫn: Báo cáo hợp nhất kiểm toán số: 243/BCKT/TC của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- “Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công

việc kiểm toán này cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất” Trích dẫn: Báo cáo hợp nhất kiểm toán số: 243/BCKT/TC của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

3. Ý kiến kiểm toán

- “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất” Trích dẫn: Báo cáo hợp nhất kiểm toán số: 243/BCKT/TC của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Trụ sở: Tầng 12 tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 024 37 425 888 – 024 37 578 666
- Website: <http://kiemtoanttp.com/>

(đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 trên website Công ty: <http://www.saothanglong.vn>)

Nơi nhận

- UBCKNN
- Các thành viên HĐQT
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CHU ĐỨC MẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

11/12/2020

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 VND (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng), tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội

Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Các công ty thành viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	TL lợi ích	TL kiểm soát
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	TP Hà Nội	99,995%	99,995%
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	TP Nam Định	99,880%	99,880%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Anh Chiến	Ủy viên
Ông Trương Đức Nam	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Cường	Ủy viên
Ông Bùi Việt Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm, ngày 19/08/2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 19/08/2020
Bà Đặng Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm, ngày 11/08/2020
Ông Nguyễn Đức Phong	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm, ngày 11/08/2020 Miễn nhiệm, ngày 01/12/2020
Bà Phạm Thị Nhài	Phụ trách kế toán	Bỏ nhiệm, ngày 03/12/2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, đơn vị có lợi ích thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Chu Đức Mạnh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 242/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các

ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14. Vay và nợ thuê tài chính trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

Tại thuyết minh số 14. Vay và nợ thuê tài chính, Công ty TNHH đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An (Công ty con) có các khoản nợ vay quá hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ninh số tiền: 884.506.462 VND; Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -PGD Xuân Diệu số tiền: 1.593.200.000 VND; Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Quảng Ninh số tiền: 496.500.000 VND; Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease số tiền: 1.230.000.000 VND. Tổng số nợ gốc vay quá hạn tại thời điểm 31/12/2020 là: 4.204.206.462 VND.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 1474-2021-133-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		122.885.125.667	105.637.925.905
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.659.395.517	11.181.461.971
111	1. Tiền		2.659.395.517	11.181.461.971
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		49.748.493.151	5.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	49.748.493.151	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.082.809.239	88.033.995.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.967.924.399	12.000.551.771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.521.040.473	15.569.834.421
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	41.255.467.000	33.999.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8	22.051.168.602	29.798.509.743
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(1.712.791.235)	(3.333.900.463)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.224.102.859	1.303.577.145
141	1. Hàng tồn kho		1.479.094.309	1.303.577.145
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(254.991.450)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		170.324.901	118.891.317
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	83.744.723	16.275.485
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		66.642.803	82.678.457
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	19.937.375	19.937.375
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		212.497.021.425	388.392.779.494
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	9.500.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	9.500.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.835.019.799	201.622.688.198
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.954.569.799	6.386.188.198
222	- Nguyên giá		24.510.183.497	29.017.658.582
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.555.613.698)	(22.631.470.384)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.880.450.000	195.236.500.000
228	- Nguyên giá		5.880.450.000	195.236.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.645.484.691
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.645.484.691
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	202.662.001.626	170.596.658.213
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		162.662.001.626	86.200.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	34.400.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(3.341.787)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		40.000.000.000	50.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	27.948.392
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	27.948.392
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		335.382.147.092	494.030.705.399

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

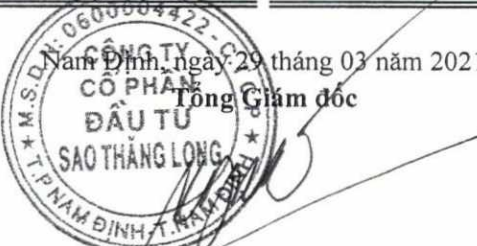
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		17.637.629.085	130.781.392.697
310	I. Nợ ngắn hạn		17.637.629.085	130.644.192.697
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	9.142.349.163	8.953.275.902
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.586.172.700	1.586.173.276
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	134.097.677	811.726.461
314	4. Phải trả người lao động		18.196.067	10.834.282
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.125.618.890	1.390.154.692
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	6.028.126	100.049.072.832
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	4.625.166.462	17.842.955.252
330	II. Nợ dài hạn		-	137.200.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	-	137.200.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		317.744.518.007	363.249.312.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	317.744.518.007	363.249.312.702
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.235.806.906)	(9.506.576.120)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(9.506.576.120)	(2.909.272.157)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.270.769.214	(6.597.303.963)
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.199.376	49.787.763.285
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		335.382.147.092	494.030.705.399

Người lập biểu


Phạm Thị Nhài

Phụ trách kế toán


Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Tông Giám đốc

Chu Đức Mạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	32.617.288.469	42.644.409.057
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		32.617.288.469	42.644.409.057
11	4. Giá vốn hàng bán	22	30.202.473.415	44.100.087.626
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.414.815.054	(1.455.678.569)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	5.741.191.470	4.253.220.915
22	7. Chi phí tài chính	24	2.903.531.628	1.114.323.860
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.239.407.484	1.075.468.381
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		98.614.897	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	459.513.401	656.659.370
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.017.538.242	6.284.896.321
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		3.874.038.150	(5.258.337.205)
31	12. Thu nhập khác		10.000.999	27.791.978
32	13. Chi phí khác	27	147.451.051	1.177.602.755
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(137.450.052)	(1.149.810.777)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		3.736.588.098	(6.408.147.982)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	81.899.653
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		3.736.588.098	(6.490.047.635)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.706.132.485	(6.499.972.795)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		30.455.613	9.925.160
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	115	(202)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Phụ trách kế toán



Phạm Thị Nhài



Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

ĐẦU TƯ

SAO THĂNG LONG

Chư Đức Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Năm 2020

Đơn vị tính: VND
Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	3.736.588.098	(6.408.147.982)
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(3.839.832.182)	(2.210.513.302)
02	- Khấu hao tài sản cố định	147.306.230	2.609.481.560
03	- Các khoản dự phòng	3.341.787	(2.434.785.012)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(5.229.887.683)	(3.460.678.231)
06	- Chi phí lãi vay	1.239.407.484	1.075.468.381
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(103.244.084)	(8.618.661.284)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	8.882.035.955	(3.007.517.390)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(175.517.164)	11.503.407.034
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(103.859.601.652)	99.759.793.094
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(70.482.223)	9.344.465
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(37.720.000)	(609.245.095)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(11.622.101)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(95.376.151.269)	99.037.120.824
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	(384.345.455)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(79.256.467.000)	(22.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(86.587.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	134.400.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9.723.937.270	3.640.720.915
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	87.483.124.815	(104.946.779.085)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	2.220.960.000	17.088.748.790
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.850.000.000)	(8.181.497.855)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(629.040.000)	8.907.250.935
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(8.522.066.454)	2.997.592.674
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	11.181.461.971	8.183.869.297
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.659.395.517	11.181.461.971

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Phụ trách kế toán



Phạm Thị Nhài



Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chu Đức Mạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp bổ sung 08 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, Phường Nguyễn Du, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 VND (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng), tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số CBCNV tại ngày 31/12/2020: 09 người.

Cấu trúc Công ty

Tổng số Công ty con:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02;
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

Các công ty thành viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ kiểm soát
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	TP Hà Nội	99,995%	99,995%
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	TP Nam Định	99,880%	99,880%

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty không quá 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Hình thức sổ kế toán đơn vị đang áp dụng là hình thức: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

a. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

b. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu không tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất :

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6.. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng, TS khác	03-05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được

quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền chưa được phân bổ phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

- Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính [riêng] của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính [riêng] thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và tru đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị định số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	1.910.776.234	5.189.660.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	748.619.283	5.991.801.389
Cộng	2.659.395.517	11.181.461.971

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(Chi tiết phụ lục 01)

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	49.748.493.151		5.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	5.000.000.000	-
- Trái phiếu (1)	49.748.493.151		-	-
Dài hạn	40.000.000.000		50.000.000.000	
- Trái phiếu (2)	40.000.000.000		50.000.000.000	
Cộng	89.748.493.151	-	55.000.000.000	-

(1): Trái phiếu Công ty nắm giữ gồm: 30 Trái phiếu của Công ty Cổ phần Thời trang và may mặc Demoda, ngày phát hành là 24/12/2018, ngày đến hạn là ngày 24/12/2021, mệnh giá là 1.000.000.000VND/TP và 20 Trái phiếu của công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Kim Lan, ngày phát hành là 17/06/2018, ngày đáo hạn là 27/06/2021, mệnh giá là 1.000.000.000 VND/TP.

(2): Trái phiếu Công ty nắm giữ gồm: 400 Trái phiếu của Công ty Cổ phần Camcom Việt Nam, kỳ hạn TP là 3 năm; ngày phát hành là 23/11/2020, ngày đến hạn là ngày 23/11/2023, mệnh giá là 100.000.000 VND/TP, lãi suất 8%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại Phụ lục số 01)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Bắc		2.043.478.475
Công ty CP Camcom Việt Nam	1.848.000.000	5.046.538.517
Phải thu các phòng Giáo dục	2.153.557.728	
Các đối tượng khác	1.966.366.671	4.910.534.779
Cộng	5.967.924.399	12.000.551.771

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Việt An		1.148.000.000
Công ty TNHH TM Quà tặng Lê Giang		3.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư, thương mại và tư vấn thiết kế công trình AT		10.000.062.517
Công ty CP Rượu bia nước giải khát Hà Nội	262.092.600	
Công ty CP Thiết kế xây lắp và dịch vụ Thương mại	200.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	77.260.173	240.084.204
	1.521.040.473	15.569.834.421

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Ông Lê Hồng Long (1)	16.999.000.000	-	16.999.000.000	-
Ông Phạm Phan Anh(2)	8.600.000.000		8.000.000.000	
Ông Đàm Mạnh Quân(3)	8.000.000.000		9.000.000.000	
Ông Nguyễn Đức Hiếu(4)	7.356.467.000			
Ông Nguyễn Đức Trung(5)	300.000.000			
Cộng	41.255.467.000	-	33.999.000.000	-
b. Dài hạn				
Ông Nguyễn Tiến Long		-	9.500.000.000	-
Cộng	-	-	9.500.000.000	-

(1) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Ông Lê Hồng Long vay theo các hợp đồng sau:

+Phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 14/6/2019 của Hợp đồng cho vay tiền số 2012/2017/HĐV/NABECO-LHL ngày 29/12/2017, với lãi suất là 8,5%/năm và thời hạn cho vay là 5 tháng 5 ngày. Theo phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 14/6/2019 thời hạn cho vay là vô thời hạn. Số dư tại 31/12/2020 là 5.099.000.000 đồng.

+Hợp đồng vay số 0107/2017/HĐV/HTA-LHL ngày 01 tháng 07 năm 2017 ngày đáo hạn 30 tháng 06 năm 2018 số tiền vay 1.900.000.000 VNĐ lãi suất 18%/năm đã được gia hạn theo Phụ lục gia hạn hợp đồng số 3006/2019/PLGHHD/HTA-LHL ngày 30 tháng 06 năm 2019 gia hạn khoản vay đến 30 tháng 06 năm 2020 và lãi suất cho vay là 2,1% /năm tính từ ngày 01/07/2019. (Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 21/12/2020 gia hạn thời gian cho vay đến 21/12/2021).

+Hợp đồng vay số 2112/2018/HĐV/HTA-LHL ngày 21 tháng 12 năm 2018, số tiền vay 10.000.000.000 VNĐ, lãi suất 18%/năm, được gia hạn theo Phụ lục ngày 21/12/2019 và lãi suất áp dụng là 2,1%/năm tính từ ngày 01/04/2019, theo đó, ngày đáo hạn sẽ là 21 tháng 12 năm 2020. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 11.900.000.000 VNĐ. (Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 21/12/2020 gia hạn thời gian cho vay đến 21/12/2021).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(2) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Ông Phạm Phan Anh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 0209/2019/HĐV/STL-PPA ngày 29/9/2019, với lãi suất là 8,5%/năm và thời hạn cho vay là 4 tháng từ ngày 29/9/2019 đến ngày 29/1/2020 và đã có phụ lục gia hạn đến 29/1/2021 và cho vay theo theo Hợp đồng số 2912/2020/STL-PA ngày 29 tháng 12 năm 2020, lãi suất là 8,5%/ năm và thời hạn cho vay 12 tháng từ ngày 29/12/2020 đến 29/12/2021.

(3) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Ông Đàm Mạnh Quân vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay tiền số 0108/2020/HĐV/DST-DMQ ngày 01/08/2020 và Hợp đồng cho vay tiền số 0705/2020/HĐV/DST-DMQ ngày 25/06/2020, lãi suất cho vay: 8,5%/ năm, thời hạn cho vay: 12 tháng. Số dư tại 31/12/2020 là 6.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng cho vay tiền số: 10062020/HĐ/HTA-TĐN ngày 10/06/2020 số tiền cho vay 2.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 2.000.000.000 VND.

(4) Ông Nguyễn Đức Hiếu vay theo Hợp đồng cho vay tiền số: 25032020/HĐCV/HTA-NĐH ngày 25/03/2020, số tiền cho vay: 7.356.467.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất: 2,1%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 7.3456.467.000 VND.

(5) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho Ông Nguyễn Đức Trung vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 12/10/2020, lãi suất vay: 8,5%/năm, thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 12/10/2020 đến ngày 12/10/2021.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	22.051.168.602	-	29.798.509.743	-
Tạm ứng	6.926.000.000	-	12.131.272.952	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.701.700.000	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn	13.423.468.602	-	17.667.236.791	-
- Ông Nguyễn Tiến Long	12.800.000.000	-	12.800.000.000	-
(*)				
- Khác	623.468.602	-	4.867.236.791	-
Cộng	22.051.168.602	-	29.798.509.743	-
c. Các bên liên quan	-	-	4.500.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại TM số 33)

(*) Đây là khoản thanh toán tiền qua ngân hàng cho Ông Nguyễn Tiến Long theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2019/HĐCN-DST ngày 17/11/2019 giữa Ông Nguyễn Tiến Long và Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long về việc chuyển nhượng 16,66% tổng vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại Tiến Minh Lào Cai.

- Ngày 01/11/2020, hai bên có ký Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng vốn số 20122020/PLHĐCNV, theo đó gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 12/2019/HĐCN-DST ngày 17/11/2019 đến 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
KL TP Nam Định (vở luyện C1)	313.921.200		313.921.200	
KL TP Ý Yên	199.761.600		199.761.600	
Công ty Đông Bắc			1.993.478.475	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	294.506.310	981.687.700	490.843.850
KL Hải Hậu (vở luyện C1)	151.668.800			
KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)	136.000.250			
Công ty CP Thiết kế xây lắp và DV Thương Mại	200.000.000		200.000.000	
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai			193.283.000	
Công ty TNHH Việt Hoàng Ngân			385.000.000	
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Việt An			1.148.000.000	
Các đối tượng khác	24.257.995			
	2.007.297.545	294.506.310	5.415.131.975	490.843.850

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	1.479.094.309	(254.991.450)	1.303.577.145	
	1.479.094.309	(254.991.450)	1.303.577.145	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2020 ban Giám đốc Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho số tiền là: 254.991.450VND. Đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 02

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiết phụ lục số 03

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚCSố cuối nămSố đầu năm

VND

VND

a. Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ

83.744.723

16.275.485

- Chi phí chờ phân bổ

83.744.72316.275.485**Cộng**-27.948.392**b. Dài hạn**

- Công cụ dụng cụ

27.948.392

- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ

-27.948.392**Cộng****14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiết phụ lục số 04.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁNSố cuối nămSố đầu nămGiá trịSố có khả năng trảGiá trịSố có khả năngnợtrả nợ

VND

VND

VND

VND

a. Ngắn hạn

Công ty CP Quốc tế Đại Phong

1.647.038.436

1.647.038.436

1.697.038.436

1.697.038.436

Công ty CP Thương mại và vận tải Hải An

4.559.254.622

4.559.254.622

4.559.254.622

4.559.254.622

Công ty TNHH Commo Vina

1.100.000.000

1.100.000.000

Các đối tượng khác

1.836.056.105

1.836.056.105

2.696.982.844

2.696.982.844

Cộng9.142.349.1639.142.349.1638.953.275.9028.953.275.902**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**Số cuối nămSố đầu năm

VND

VND

a. Ngắn hạn

Công ty CP đầu tư và thương mại NKC Việt Nam

1.376.411.100

1.376.411.100

- Các đối tượng khác

209.761.600

209.762.176

Cộng1.586.172.7001.586.173.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		646.352.891	177.039.069	718.011.469		105.380.491
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.937.375	152.663.955		141.256.384	19.937.375	11.407.571
Thuế Thu nhập cá nhân		-	4.600.000			4.600.000
Phí, lệ phí và các		12.709.615	5.000.000	5.000.000		12.709.615
Cộng	19.937.375	811.726.461	186.639.069	864.267.853	19.937.375	134.097.677

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Lãi vay	2.125.618.890	1.390.154.692
- Chi phí bảo hiểm		
- Khác		
Cộng	2.125.618.890	1.390.154.692

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	4.757.363	40.915.948
Bảo hiểm y tế	1.043.469	6.052.434
Bảo hiểm thất nghiệp	227.294	1.022.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	100.001.082.386
Cộng	6.028.126	100.049.072.832

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 05)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Đặng Hoàng Tuấn	21.470.000.000	7%		11%
- Các cổ đông khác	301.530.000.000	93%	323.000.000.000	100%
	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	32.617.288.469	42.644.409.057
Cộng	32.617.288.469	42.644.409.057

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	30.202.473.415	44.100.087.626
Cộng	30.202.473.415	44.100.087.626

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.293.037.106	3.460.678.231
- Lãi trái phiếu	3.358.356.164	612.500.000
- Chiết khấu thanh toán	89.798.200	180.042.684
Cộng	5.741.191.470	4.253.220.915

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.239.407.484	1.075.468.381
- Chiết khấu thanh toán	293.446.096	49.193.236
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(3.341.787)	(12.228.581)
- Khác	1.374.019.835	1.890.824
Cộng	2.903.531.628	1.114.323.860

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	18.065.276	
- Chi phí nhân công	108.844.342	468.055.300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.107.605	73.768.748
- Chi phí khác bằng tiền	209.496.178	114.835.322
Cộng	459.513.401	656.659.370

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	20.945.800	42.007.777
- Chi phí nhân công	1.776.381.982	1.376.075.046
- Chi phí khấu hao	134.839.574	624.494.349
- Thuế, phí, lệ phí	32.549.400	47.443.678
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.332.405	276.000.720
- Chi phí khác bằng tiền	263.598.309	584.974.288
- Chi phí dự phòng	(1.621.109.228)	3.333.900.463
Cộng	1.017.538.242	6.284.896.321

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	5.317.814	17.382.516
- Khác	142.133.237	1.160.220.239
Cộng	147.451.051	1.177.602.755

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.706.132.485	(6.499.972.795)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.706.132.485	(6.499.972.795)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.219.000	32.219.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	(202)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	33.511.076	406.286.085
- Chi phí nhân công	1.885.226.324	1.443.852.038
- Chi phí khấu hao	134.839.574	624.494.349
- Chi phí dự phòng	(1.621.109.228)	3.369.900.463
- Thuế, phí, lệ phí	32.549.400	47.443.678
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.940.010	349.769.468
- Chi phí khác bằng tiền	473.094.487	699.809.610
Cộng	1.477.051.643	6.941.555.691

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.395.517		11.181.461.971	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.019.093.001	(1.712.791.235)	41.799.061.514	(3.333.900.463)
Các khoản cho vay	41.255.467.000		43.499.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	49.748.493.151	-	5.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	40.000.000.000	-	50.000.000.000	
Cộng	161.682.448.669	(1.712.791.235)	151.479.523.485	(3.333.900.463)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	4.625.166.462	17.980.155.252
Phải trả người bán, phải trả khác	9.148.377.289	109.002.348.734
Chi phí phải trả	2.125.618.890	1.390.154.692
Cộng	15.899.162.641	128.372.658.678

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.395.517			2.659.395.517
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.019.093.001	-		28.019.093.001
Các khoản cho vay	41.255.467.000	-		41.255.467.000
Cộng	71.933.955.518	-	-	71.933.955.518
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.181.461.971			11.181.461.971
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.799.061.514	-		41.799.061.514
Các khoản cho vay	48.499.000.000	9.500.000.000		57.999.000.000
Cộng	101.479.523.485	9.500.000.000	-	110.979.523.485

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	4.625.166.462	-	-	4.625.166.462
Phải trả người bán, phải trả	9.148.377.289	-	-	9.148.377.289
Chi phí phải trả	2.125.618.890	-	-	2.125.618.890
Cộng	15.899.162.641	-	-	15.899.162.641
Số đầu năm				
Vay và nợ	17.842.955.252	137.200.000	-	17.980.155.252
Phải trả người bán, phải trả	109.002.348.734	-	-	109.002.348.734
Chi phí phải trả	1.390.154.692	-	-	1.390.154.692
Cộng	128.235.458.678	137.200.000	-	128.372.658.678

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	32.617.288.469	-	-	32.617.288.469
Chi phí bộ phận	30.202.473.415	-	-	30.202.473.415
Kết quả kinh doanh bộ	2.414.815.054	-	-	2.414.815.054
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.477.051.643
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				937.763.411
Doanh thu hoạt động tài chính				5.741.191.470
Chi phí tài chính				2.903.531.628
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				98.614.897
Thu nhập khác				10.000.999
Chi phí khác				147.451.051
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế				3.736.588.098

33. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda	Công ty liên kết

b. Giao dịch với bên liên quan**- Giao dịch phát sinh trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi trái phiếu		
Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda	2.037.945.205	4.500.000.000

Thu lãi trái phiếu

Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda	6.537.945.205
--	---------------

- Số dư các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda		4.500.000.000

- Thu nhập hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>
	VND
Thu nhập hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, ban KS	154.500.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Phụ trách kế toán



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Tông Giám đốc



Chu Đức Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 01:

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	162.662.001.626	-	-	86.200.000.000
Công ty Cổ phần Thời trang Clothesrack	37.076.288.326	(*)	-	37.000.000.000 (*)
Công ty TNHH Thời trang và may mặc Demoda	49.275.191.535	(*)	-	49.200.000.000 (*)
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	76.310.521.765	(*)	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	34.400.000.000
Công ty TNHH Thương mại Nam Biên	-	-	-	34.400.000.000 (*)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thời trang Clothrack	TP Hồ Chí Minh	37,00%	37,00%	Kinh doanh thời trang
Công ty TNHH Thời trang và may mặc Demoda	TP Hà Nội	39,35%	39,35%	Kinh doanh thời trang và may mặc
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	TP Hồ Chí Minh	33,65%	33,65%	Cho thuê VP và BĐS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 02

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.889.765.519	20.750.423.578	4.302.669.485	74.800.000	29.017.658.582	
- Mua trong năm		384.345.455			384.345.455	
- Đầu tư hoàn thành					-	
- Phân loại lại					-	
- Góp vốn bằng tài sản					-	
- Thanh lý, nhượng bán					-	
- Giảm khác		(589.151.055)	(4.302.669.485)		(4.891.820.540)	
Số cuối năm	3.889.765.519	20.545.617.978	-	74.800.000	24.510.183.497	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	187.217.717	20.750.423.578	1.638.767.979	55.061.110	22.631.470.384	
- Khấu hao trong năm	94.577.728	40.261.846		12.466.656	147.306.230	
- Thanh lý nhượng bán					-	
- Giảm khác		(584.394.937)	(1.638.767.979)		(2.223.162.916)	
Số cuối năm	281.795.445	20.206.290.487	-	67.527.766	20.555.613.698	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.702.547.802	-	2.663.901.506	19.738.890	6.386.188.198	
Tại ngày cuối năm	3.607.970.074	339.327.491	-	7.272.234	3.954.569.799	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 20.161.272.723 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 03:

Đơn vị tính: VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	195.236.500.000			195.236.500.000
- Mua trong năm	5.880.450.000			5.880.450.000
- Giảm khác	(195.236.500.000)			(195.236.500.000)
Số cuối năm	5.880.450.000	-	-	5.880.450.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				-
- Khấu hao trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	195.236.500.000			195.236.500.000
Tại ngày cuối năm	5.880.450.000	-	-	5.880.450.000

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 04:

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	4.625.166.462	4.625.166.462	2.220.960.000	14.639.548.790	17.043.755.252	17.043.755.252
- Vay ngắn hạn	1.305.466.462	1.305.466.462	2.220.960.000	13.589.548.790	12.674.055.252	12.674.055.252
<i>Vay ngắn hạn công ty</i>	-	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty CP Tài Chính Findex	-	-	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	884.506.462	884.506.462	-	884.506.462	884.506.462	884.506.462
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chính	-	-	-	-	-	-
nhánh Quảng Ninh (1)	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	-	4.989.548.790	4.989.548.790	4.989.548.790
<i>Vay cá nhân (5)</i>	420.960.000	420.960.000	2.220.960.000	1.800.000.000	1.800.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	3.319.700.000	3.319.700.000	-	1.050.000.000	4.369.700.000	4.369.700.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Xuân Diệu (2)	1.593.200.000	1.593.200.000	-	-	1.593.200.000	1.593.200.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Quảng Ninh (3)	496.500.000	496.500.000	-	-	496.500.000	496.500.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (4)	1.230.000.000	1.230.000.000	-	1.050.000.000	2.280.000.000	2.280.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả khác	-	-	-	799.200.000	799.200.000	799.200.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	137.200.000	137.200.000	137.200.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (5)	-	-	-	137.200.000	137.200.000	137.200.000
Cộng	4.625.166.462	4.625.166.462	2.220.960.000	15.575.948.790	17.980.155.252	17.980.155.252

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

(1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương:

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội của Công ty Hưng Thịnh An theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130825.15.1160115.TD ký ngày 14/12/2015. Giá trị hạn mức 1.500.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ bốc xúc vận tải của Khách hàng. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản đảm bảo là 10 xe tải tự đổ hiệu CNHTC, 5 xe ô tô tải tự đổ hiệu TAIAN; Quyền đòi nợ theo hợp đồng kinh tế số 01/2015/HDKT-HT-HTA ngày 2/11/2015 giữa công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An với Công ty Hoàng Trường và xe ô tô Mitsubishi 7 chỗ thuộc sở hữu của Công ty. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 884.506.462 VND.

(2) Khoản vay ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam của công ty Hưng Thịnh An theo hợp đồng tín dụng số 1717-LAV-2015 kí ngày 3/4/2015. Mục đích khoản vay là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thời hạn cho vay là 60 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay của từng lần giải ngân là lãi suất do Eximbank công bố có hiệu lực, chu kì thay đổi lãi suất 1 tháng/lần, lãi suất trong hạn, lãi suất ngoài hạn, lãi suất tiết kiệm kì hạn 13 tháng + 3,5%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sở hữu tài sản là Căn hộ chung cư số A1109, Khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower, Mễ Trì, Từ Liêm (nay là số 01 đại lộ Thăng Long) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Hiếu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ mua nhà ở số A1109/2015/TL-HĐCN kí với công ty TNHH BDS MSB; tài sản hợp pháp khác. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 1.593.200.000 VND.

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội của Công ty Hưng Thịnh An theo hợp đồng cấp tín dụng số 130.15.601.1160115.TD ngày 20/04/2015, số tiền vay 7.500.000.000 VND. Mục đích vay thanh toán tiền mua 10 xe ô tô tải ben nhãn hiệu CNHTC theo Hợp đồng mua hàng trả góp với công ty Cổ phần Đức Hiếu, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 10 xe ô tô tải TAIAN của công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An theo HĐTC số 99.12.601.1060247 ngày 21/3/2012 và các văn bản kèm theo; xe ô tô 7 chỗ Mitsubishi BKS 29A - 549.53 theo hợp đồng thế chấp số 133.12.601.1160115.DB ngày 24/4/2012 và các văn bản kèm theo; 10 xe ô tô tải CNHTC BKS 29HC - 00088/00092/00094/00098/00081/00083/00084/00085/00086/00087 của công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An theo Hợp đồng thế chấp số 65.15.601.1160115.DB ngày 20/04/2015 và các văn bản đi kèm. Khoản vay trên đã được thanh toán một phần thông qua bán thanh lý tài sản thế chấp. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 496.500.000 VND.

(4) Là khoản nợ thuế tài chính của công ty Hưng Thịnh An với công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease theo hợp đồng cho thuê tài chính số B1503072HI ngày 07/04/2015 về việc cho thuê 08 xe ô tô tải tự đổ xuất xứ Trung Quốc CNHTC trị giá 18.800.000.000 đã bao gồm cả VAT, thời hạn thuê là 40 tháng, lãi suất thuế tài chính là 11,5%. Khoản thuế tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký cược: 752.000.000 VND, thư bảo lãnh bởi Ông Nguyễn Đức Hiếu, Ông Ngô Quang Hòa. Khoản nợ trên đã được thanh toán một phần thông qua thu hồi tài sản thế chấp. Số dư tại ngày 31/12/2020 là: 1.230.000.000 VND.

(5) Vay cá nhân

+ Thời hạn: 12 tháng

+ Lãi suất: 0%

+ Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(2.909.272.157)	32.261.506.957
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi (lỗ) trong năm trước					(6.499.972.796)	(6.499.972.796)
- Tăng khác					17.526.256.328	17.526.256.328
- Giảm khác					(97.331.167)	(97.331.167)
Số dư cuối năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(9.506.576.120)	49.787.763.285
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(9.506.576.120)	49.787.763.285
- Tăng vốn trong kỳ này						
- Lãi (lỗ) trong kỳ này					3.706.132.485	30.455.613
- Tăng khác					564.636.729	564.636.729
- Giảm khác						(49.806.019.522)
Số dư cuối năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376
						317.744.518.007

